TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2025/DS-PT
Ngày : 16 - 7 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2024/TLPT–DS ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2025/QĐPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Trần Thị N, sinh năm 1941 (chết 02/02/2024)

Địa chỉ: Số B, đường H, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là số B, đường H, phường L, tỉnh Vĩnh Long)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N:

- Ông Phan Văn C, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số B B, đường H, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là số B, đường H, phường L, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- Ông Lê Thanh L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số B, đường H, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là số B, đường H, phường L, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn C1 và ông Lê Thanh L là ông Nguyễn Phú K. Địa chỉ: Số C, quốc lộ H, khóm P, xã P, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

1. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Ung Văn H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số B, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là Số B, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lê Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

3.2 Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

3.3 Bà Lê Thị P, sinh năm 1936. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của bà P là ông Ung Văn H. Địa chỉ: Số B, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là Số B, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

3.4 Chị Nguyễn Thị Xuân H1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người kháng cáo: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn (ông Lê Thanh L và ông Phan Văn C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2022 nguyên đơn Trần Thị N trình bày: thửa đất số 1840, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.000m^2 loại đất lúa tại xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của bà. Vào năm 2013 ông Nguyễn Hữu T1 tự ý vào đất của cụ đào ao nuôi cá nhưng do cụ N lớn tuổi về sinh sống với con là ông L ở phường B thành phố V nên không biết, đến khi phát hiện thì cụ yêu cầu ông T1 khôi phục lại hiện trạng ban đầu trả đất lại cho cụ nhưng ông T1

không đồng ý. Do đó, cụ N khởi kiện yêu cầu ông T1 trả lại thửa đất 1840 nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cụ N chết ngày 02 tháng 02 năm 2024, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N gồm: ông Phan Văn C, ông Lê Thanh L, và ông Lê Văn T trình bày:

Cụ N và chồng trước là cụ ông Phan Văn Ú (chết năm 1963) có 01 người con là ông Phan Văn C, sau đó cụ N tái giá với cụ Lê Văn T3 (đến năm 1994 cụ T3 chết), cụ N và cụ T3 có 02 người con là Lê Văn T và Lê Thanh L.

Nguồn gốc thửa đất số 1840 là của cụ T3 chết để lại, cụ N làm thủ tục nhận thừa kế. Cụ N đã giao phần đất này cho ông T trông coi, quản lý, việc ông T cùng vợ là Nguyễn Thị T2 bán phần đất này cho cụ bà Lê Thị P thì cụ N và anh em ông T không hay biết, đến khi phát hiện ông T1 (con cụ P) đào ao nuôi cá và làm hàng rào thì mới biết T cầm cố cho ông T1 nên cụ N có tranh chấp.

Nay ông L, ông C, ông T kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N yêu cầu Tòa án giải quyết: tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy chuyển nhượng ngày 21/12/2001 được ký kết giữa cụ Lê Thị P và ông Lê Văn T), buộc ông Nguyễn Hữu T1 tự tháo dỡ di dời tài sản trên đất để trả lại phần đất tách thửa 160 (thửa cũ là 1840), tờ bản đồ số 01, diện tích đo thực tế là 1.025,8m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho các con của cụ N.

* Tại đơn phản tố ngày 07/12/2023 của ông Nguyễn Hữu T1 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của ông T1 trình bày:

Ngày 21/12/2001 (al) ông Lê Văn T (tự N1) và vợ là Nguyễn Thị T2 là con trai và con dâu cụ N đến gặp cụ Lê Thị P (mẹ ông T1) nói cần vốn làm ăn nên bán cho cụ P một công đất (1000m^2) giáp ranh với đất của ông T1 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long với giá 18 chỉ vàng 24k, việc chuyển nhượng có làm giấy tay ông T và cụ P ký tên. Ông T và bà T2 đã nhận đủ vàng và giao đất cho cụ P canh tác từ đó đến nay. Năm 2007 ông T1 đào ao nuôi cá và xây dựng hàng rào bảo vệ khu đất chung với khu đất gia đình ông T1. Khi đó, cụ N vẫn tới lui gia đình ông T nhưng không có ý kiến gì. Trong thời gian canh tác cụ P nhiều lần yêu cầu ông T thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng ông T nói vợ đi làm ăn xa nên chưa về được, khi nào vợ ông T về thì sẽ ký thủ tục chuyển nhượng, vì tình làng nghĩa xóm nên ông T1 chờ vợ ông T về để ký chuyển nhượng. Đến ngày 18/4/2021cụ Nguyệt cùng hai người tự động cắt dỡ hàng rào đất của ông T1 và hủy hoại tài sản chặt một số cây của ông T1, ông T1 có báo công an xã P lập biên bản và có ghi nhận chứng kiến sự việc hiện trường. Sau sự việc đó thì cụ N và vợ chồng ông T không có ý kiến gì.

Nay ông Nguyễn Hữu T1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, ông phản tố yêu cầu: tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy chuyển nhượng ngày 21/12//2001al) được ký kết giữa cụ Lê Thị P và ông Lê Văn T, công nhận cho ông T1 và vợ là bà Lê Thị Xuân H2 được quyền sử dụng phần đất thửa số 1840 (thửa mới tách 160), tờ bản đồ số 01, diện tích theo

kết quả trích đo là 1.025,8m^2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Bà Lê Thị Xuân H2 thống nhất yêu cầu của ông T1.

* Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 21/6/2023 của cụ Lê Thị P và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của cụ P trình bày: yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy chuyển nhượng ngày 21/12//2001al) được ký kết giữa cụ P và ông Lê Văn T, yêu cầu Tòa án công nhận cho con của cụ là ông T1 quyền sử dụng tách thửa số 160 (thửa cũ 1840), tờ bản đồ số 01, diện tích 1025,8m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long vì phần đất này bà đã tặng cho con trai là ông T1, ông T1 quản lý, canh tác đến nay đã 22 năm.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2024 ông Lê Văn T trình bày: trước đây cụ N giao cho ông quản lý, sử dụng phần đất này (thửa 1840), ông có cầm cố thửa đất này cho cha ông Thiểu chứ không có bán đất cho cụ Lê Thị P (mẹ ông T1) và không có ký giấy chuyển nhượng đất cho cụ P, ông không thừa nhận chữ ký trong giấy chuyển nhượng ngày 21/12/2001 là do ông ký. Do ông đi làm nên không biết ông T1 đào ao nuôi cá trên thửa đất 1840, sau khi biết sự việc ông có báo chính quyền địa phương, mẹ ông có thưa ra chính quyền địa phương nhiều lần chưa giải quyết. Nay ông yêu cầu ông T1 trả lại phần đất thửa 1840 diện tích cho gia đình ông. Bà Nguyễn Thị T2 thống nhất lời trình bày của ông T, bà biết ông T chỉ cầm cố đất cho ông Đ chứ không có chuyển nhượng cho bà P.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2024/DS-ST ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Phan Văn C, Lê Thanh L, Lê Văn T. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hữu T1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ Lê Thị P. Công nhận giao dịch dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Lê Văn T và cụ Lê Thị P ngày 21/12/2001al có hiệu lực. Công nhận cho ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Xuân H1 được quyền sử dụng đất phần đất thuộc tách thửa 160 (thửa cũ 1840), tờ bản đồ số 6, diện tích theo kết quả trích đo là 1.025,8m2 loại đất lúa.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 25/9/2024 ông Phan Văn C, ông Lê Thanh L kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án, với lý do: thửa đất 1840 là của hộ Trần Thị N, việc ông T cầm cố hay bán thửa đất cho cụ P chỉ làm giấy tay không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền là giao dịch không đúng quy định pháp luật, phần đất là của hộ cụ N không phải của ông T, việc Tòa án sơ thẩm công nhận giao dịch bằng tờ giấy tay giữa ông T với ông T1 là trái với quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật dân sự làm thiệt hại đến tài sản của hộ Trần Thị N, tước đoạt quyền thừa kế của các con cụ N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của ông C và ông L trình bày: ông C và ông L kháng cáo yêu cầu phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng vô hiệu giấy chuyển nhượng đất giữa ông T với cụ P, buộc ông T1 giao trả thửa đất 1840 lại cho cụ N (nay cụ N đã chết thì giao đất lại cho những người thừa kế của cụ N), còn việc ông T cầm cố đất cho cụ P thì ông T có nghĩa vụ trả vàng lại cho cụ P.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm số: 138/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long) chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long giải quyết lại sơ thẩm vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 18/09/2025 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tuyên án sơ thẩm đến ngày 25/9/2025 ông Lê Thanh L và ông Phan Văn C có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp thửa 1840 (nay thuộc tách thửa 160 VLAP).

Theo trình bày của nguyên đơn, thì nguồn gốc đất là của cụ Lê Văn T3 (chết năm 1994) cha của ông T và ông L để lại.

Thể hiện tại công văn số: 906/CN.VPĐKĐĐ ngày 20/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện L, Công văn số: 376/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 03/02/2025 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh V, Công văn số: 1197/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 24/4/2025 của Văn phòng Đăng ký Đất tỉnh V và hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1840 thì:

Hộ Lê Văn T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất liền kề gồm: thửa số 1120 diện tích 1.600m^2 đất thổ vườn và thửa 1121 diện tích 3.850m^2 đất lúa vào ngày 16/8/1999 (sau khi cụ T3 chết). Đến năm 2002 cụ N lập thủ tục nhận thừa kế, được UBND huyện L ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ N ngày 20/12/2002.

Đến ngày 25/02/2011 cụ N làm thủ tục tách thửa 1120 thành thửa 1836 diện tích 943,3m^2 và thửa 1837 diện tích 926,1m^2; tách thửa 1121 thành thửa 1838 diện tích 1.416,6m^2, thửa 1839 diện tích 1.433,4m^2 và thửa 1840 diện tích 1.000m^2 được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ Trần Thị N ngày 16/5/2012, nhưng trong đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ ghi tên cụ N, không có các thành viên khác.

Tháng 7/2012 cụ N lập hợp đồng tặng cho ông T thửa 1836 và 1838, tặng cho ông L thửa 1837 và 1839, còn lại thửa 1840 cụ N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay.

[2.2] Quá trình quản lý, sử dụng thửa đất 1840.

Thể hiện tại "Giấy chuyển nhượng" lập ngày 21/12/2001 (al) giữa bên nhận chuyển nhượng đất là bà Lê Thị P với bên chuyển nhượng (bên nhận vàng) là ông Lê Văn T có nội dung: ông T và vợ là bà T2 cần vốn làm ăn nên chuyển nhượng cho bà P ở lân cận một công đất ruộng (1.000m^2), bà P trả thành quả lao động là 18 chỉ vàng 24k, bên ông T đã nhận đủ vàng, bên bà P đã nhận đủ 1.000m^2 đất".

Sau khi nhận đất thì cụ P đã giao đất cho ông T1 canh tác đến nay, thể hiện tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thì ông T1 đào ao nuôi cá và trồng cây trên đất gồm: 02 cây dừa 17 năm tuổi và 03 cây dừa 03 năn tuổi, đến năm 2008 ông T1 xây hàng rào bao quanh khu đất.

[2.3] Tại Biên bản đo đạc hiện trạng ngày 09/01/2024 và Kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V thì phần đất tranh chấp có diện tích 1.025m^2 thuộc tách thửa 160 hiện do ông Phạm Văn Ó kê khai, đăng ký theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy VLAP (theo tư liệu chương trình đất là thửa 1840).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông Phạm Văn Ó trình bày: thửa đất 160 hiện nay ông kê khai, đăng ký theo chương trình VLAP nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, do có tranh chấp với ông T1, thửa 160 có nguồn gốc từ thửa 1123 của ông trước đây được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào năm 1995, thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ông nên ông không đồng ý công nhận cho các con của cụ N cũng không đồng ý công nhận cho ông T1 được quyền sử dụng phần đất này.

Như vậy, khi tiến hành đo đạc Tòa án cấp sơ thẩm phát hiện phần đất đang tranh chấp do ông Phạm Văn Ó kê khai, đăng ký theo tư liệu đo đạc bản đồ địa chính chính quy (VLAP) nhưng không đưa ông Ó tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan, không thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ

vì sao ông Ó đăng ký, kê khai nhưng ông T1 là người trực tiếp sử dụng đất, ông Ó có tranh chấp phần đất này với cụ N, ông T1 hay không là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót người có quyền, nghĩa vụ liên quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cấp phúc thẩm không khắc phục được sai sót này. Do đó, cần hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Long Hồ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long) giải quyết lại sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông C và ông L yêu cầu vô hiệu giấy chuyển nhượng đất giữa ông T với cụ P, buộc ông T1 giao trả thửa đất 1840 lại cho các con của cụ N là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Tại cấp sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm: do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, chi phí tố tụng (chi phí định giá) tại cấp phúc thẩm bằng 1.600.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn C1 chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng ông C1 đã nộp. Như vây, ông C1 đã nộp đủ chi phí tố tụng tại tại cấp phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số: 138/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long) về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được xét xử lại sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Lê Thanh L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0001415 ngày 27/9/2024 cuả Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Vĩnh Long.

4. Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn C1 chịu 1.600.000 đồng. Ông C1 đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
TANDTC;
VKSND tỉnh Vĩnh Long;
Văn phòng TAND tỉnh VL;
TAND khu vực 1 - VL;
Phòng THADS khu vực 1 - VL;
Đương sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi